

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Minh Dịu;
2. Ông Nguyễn Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1950; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Đức B, sinh năm 1935; (Vắng mặt lần thứ 2).

HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – bà Đoàn Thị Th trình bày: Bà và ông Bùi Đức B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/5/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005, 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác,

giữa bà và các con riêng của ông B có nhiều mâu thuẫn, các con của ông B không muốn bà chung sống cùng ông B và có lời lẽ xúc phạm bà nhiều lần trong suốt thời gian bà và ông B sống cùng nhau. Đỉnh điểm là tháng 3 năm 2023 (ngày Tết thanh minh) con trai trưởng của ông B là Bùi Đức D có hành vi xúc phạm, đánh đuổi bà. Do đó bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã T, huyện N sinh sống từ tháng 3 năm 2023 đến nay, bà xác định vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm bà bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không ai quan tâm gì đến ai. Bà xác định ông B không yêu thương gì bà mà chỉ lợi dụng bà để làm người chăm sóc cho ông B khi già yếu, thể hiện ở việc khi các con ông B xúc phạm, đánh chửi bà thì ông B lại không có ý kiến gì. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn ông B.

Về quan hệ con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Bùi Đức B: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông B đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song ông đều vắng mặt không có lý do. Ông B chỉ trình bày quan điểm khi Tòa án về địa phương lấy lời khai của ông. Ông xác định về điều kiện kết hôn như bà Th trình bày. Ông xác định vợ chồng không có mâu thuẫn nên không nhất trí ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do ông đã già không đi lại được nên không đến Tòa án làm việc được đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chính quyền địa phương xã H cung cấp: Bà Th và ông B kết hôn với nhau hợp pháp vào năm 1993 tại UBND xã U, huyện N, sau khi kết hôn thì ông, bà sống tại thôn Đ, xã H, huyện N. Trong thời gian chung sống đến nay hai bên cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Có thể do ông B, bà Th đều tuổi đã cao và khó tính. Mặt khác, ông, bà không có con chung, giữa con riêng của ông B và bà Th xảy ra mâu thuẫn. Do không hoà hợp nên từ đầu năm 2023 bà Th bỏ về thôn H, xã T, huyện N và sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Th khởi kiện xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho bà Th ly hôn ông B do hai bên đã ly thân từ lâu, không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa: Bà Đoàn Thị Th và ông Bùi Đức B vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Th, cho bà Đoàn Thị Th ly hôn ông Bùi Đức B; Miễn án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho bà Đoàn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông B đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song ông đều vắng mặt không có lý do; bà Th đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đoàn Thị Th và ông Bùi Đức B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã U', huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa bà Th và ông B là hợp pháp.

[3] Bà Th khởi kiện xin ly hôn, ông B biết rõ việc bà Th khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng ông không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Ông chỉ trình bày quan điểm khi Tòa án về địa phương lấy lời khai là không đồng ý ly hôn bà Th. HĐXX thấy rằng, tại lời khai của bà Th, Biên bản xác minh ngày 11/7/2023 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác, giữa bà và các con riêng của ông B mâu thuẫn dẫn đến con ông B có hành vi chửi bới, đánh đuổi bà Th dẫn đến bà Th phải về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã T sinh sống. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính ông B là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp

của bà Th, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Th ly hôn ông B.

[4] *Về quan hệ con chung*: Không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Đoàn Thị Th là người già có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đoàn Thị Th ly hôn ông Bùi Đức B.

2. *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) cho bà Đoàn Thị Th.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã U, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long